TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **MÃ THANH TRUNG**
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **NGÔ THỊ BẠCH T,** sinh năm 1981 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN THANH B,** sinh năm 1976 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 31/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch T trình bày:

Do mai mối nên chị và anh B kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do anh B không lo làm ăn, đam mê cờ bạc, không quan tâm vợ con. Vào năm 2012, chị có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh B, tại buổi hoà giải anh chị thống nhất đoàn tụ, nên Toà án nhân dân huyện C đã ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 177/2012/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2012. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể nào hàn gắn được và chính thức ly thân từ tháng 5/2012 đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh B.

Con chung có một cháu tên Nguyễn Thị Thuỷ N, sinh ngày 07/9/2004, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 13/7/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ thương con. Nếu giả sử Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn thì con chung anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà, chị T và anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như trên.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị cho chị T được ly hôn anh B, giao con chung cho chị T nuôi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M. Theo chị T trình bày là vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do anh B không lo làm ăn, đam mê cờ bạc, không quan tâm vợ con và có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cải gây mất tình cảm. Về phía anh B thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ cải vã lặt vặt nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, cho chị T được ly hôn với anh B là có cơ sở. Bởi lẽ, anh chị đã chính thức ly thân từ năm 2007 đến nay mà không có biện pháp nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm, cũng như anh B mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được phương án nào thuyết phục chị T để vợ chồng sum họp, sắp xếp lại cuộc sống gia đình hiện tại lo cho con cái. Ngoài ra, vào thời điểm năm 2012 chị T có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh B, tại buổi hoà giải anh chị thống nhất đoàn tụ, nên Toà án nhân dân huyện C đã ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 177/2012/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2012 nhưng vợ chồng vẫn không thể nào hàn gắn, đoàn tụ được và chính thức ly thân từ tháng 5/2012 đến nay. Do đó cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Có một cháu tên Nguyễn Thị Thuỷ N, sinh ngày 07/9/2004, hiện đang sống với chị T. Xét thấy, tiếp tục giao cháu N cho chị T nuôi là phù hợp. Bởi lẽ, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của cháu do trước giờ cháu N đã sống ổn định với chị T và bản thân cháu cũng có ước nguyện được sống với mẹ. Từ đó, giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không yêu cầu nên Toà án không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự đều trình bày không có nên Toà án không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

***Xử*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ngô Thị Bạch T. Cho chị Ngô Thị Bạch T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Thuỷ N, sinh ngày 07/9/2004 cho chị T nuôi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Ngô Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 06987 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM